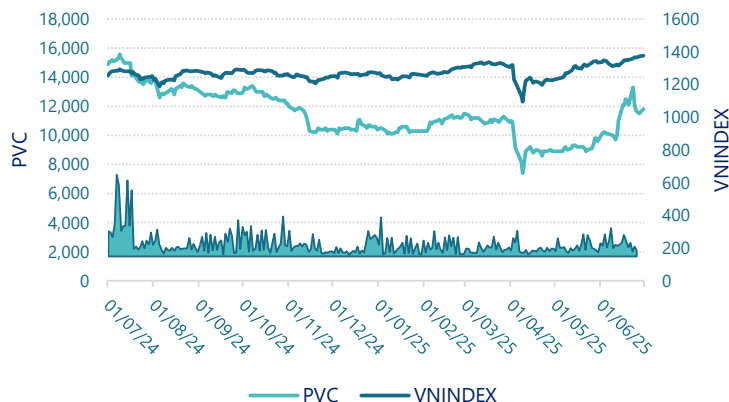


Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ dầu khí - CTCP (HNX: PVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,579
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
SL cổ phiếu LH	81,194,463
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,499,800
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	958
P/E	102.4
EPS	115

DT thuần

Q2/25

1,073

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 80.0 | 8.0%

YoY: ▲ 276 | 34.6%

LN sau thuế

Q2/25

7.95

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.47 | 6.2%

YoY: ▲ 3.20 | 67.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.4%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

6T 2025

2,066

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 872 | 72.9%

LN sau thuế

6T 2025

15.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.66 | 169%

ROE

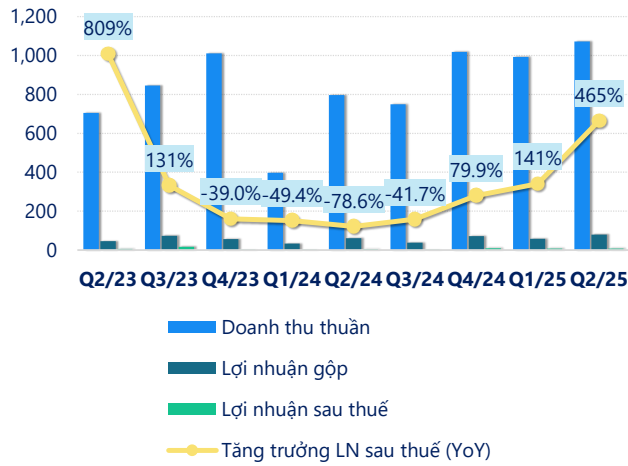
Q2/25

0.9%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

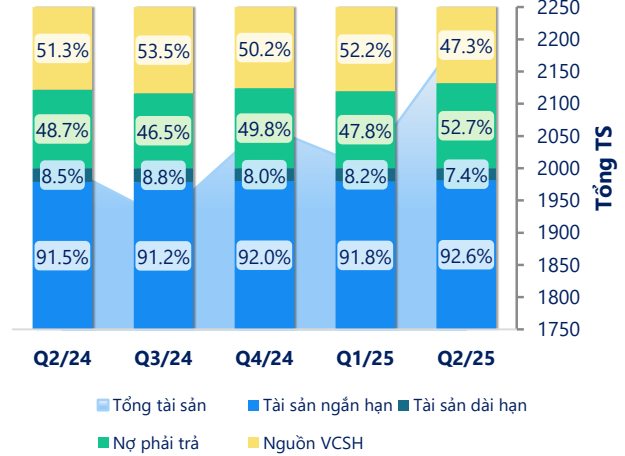
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

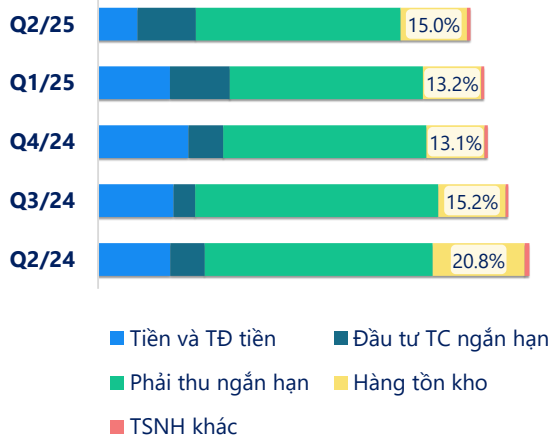
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



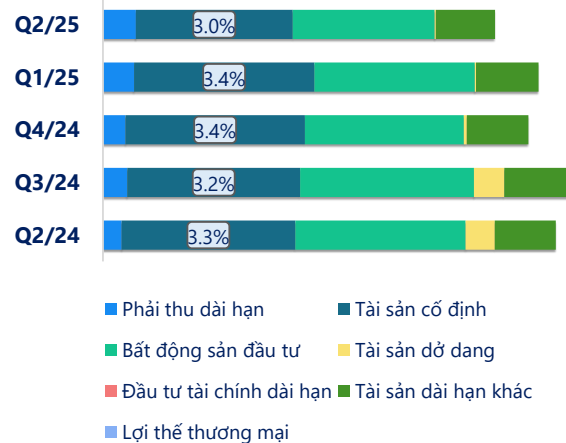
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

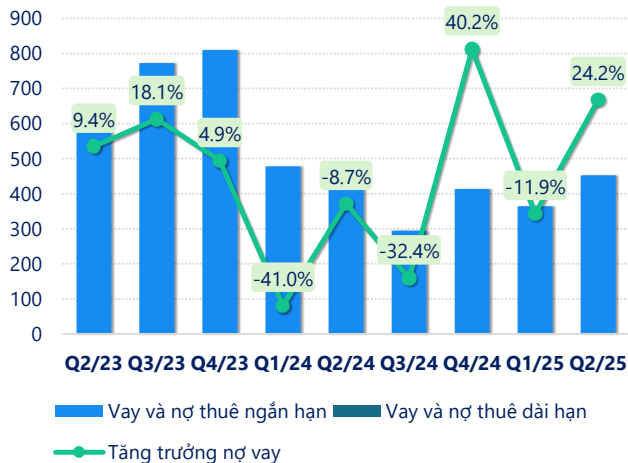
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

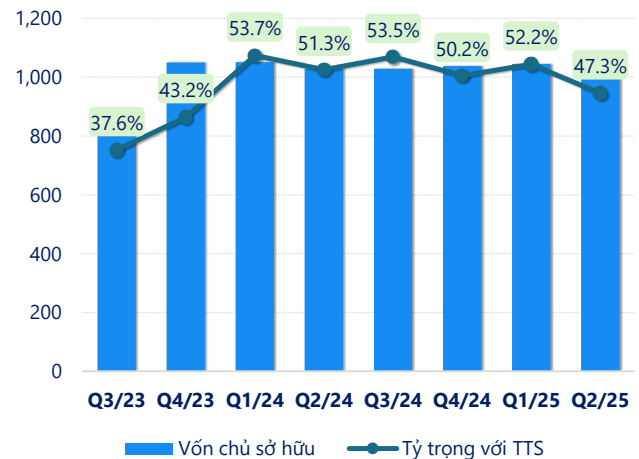
Nợ vay



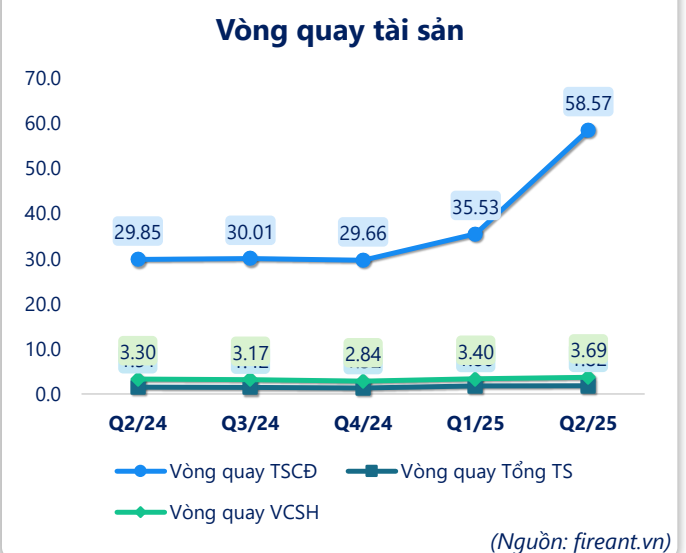
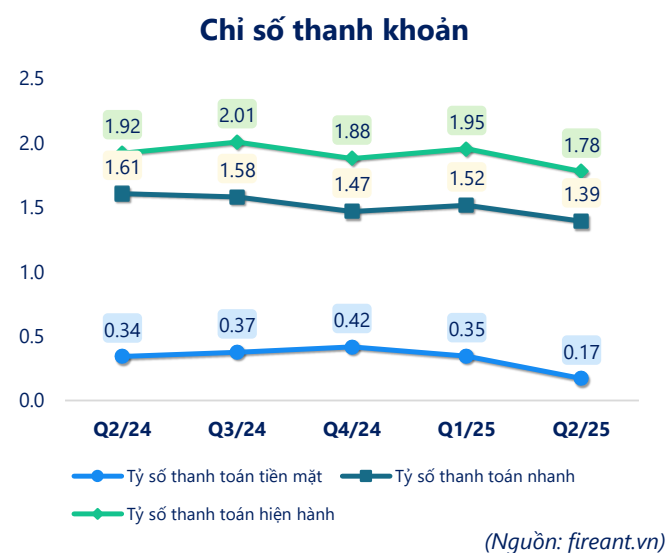
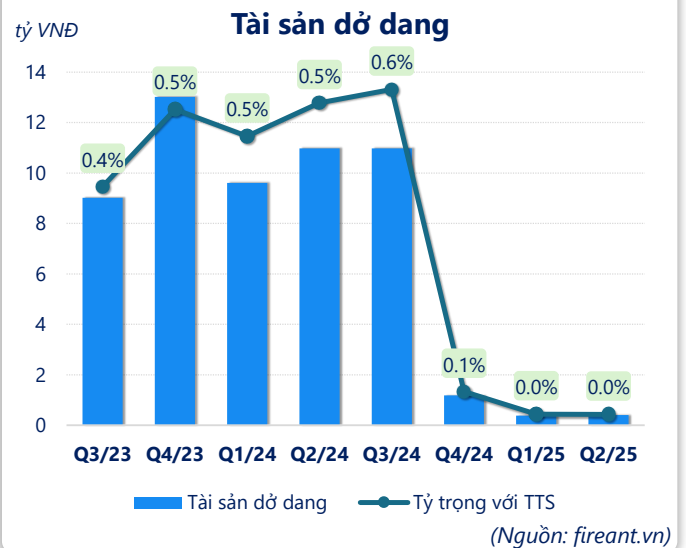
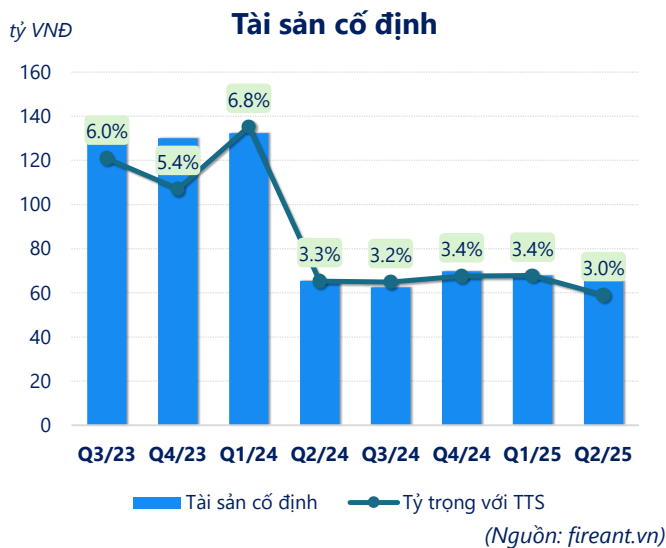
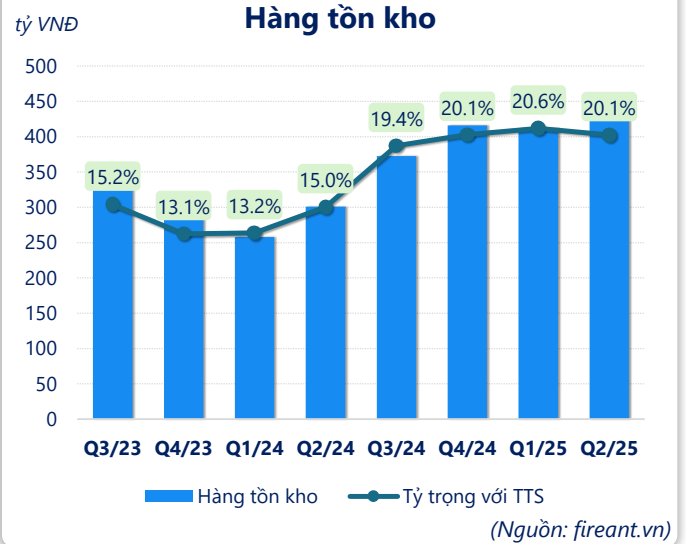
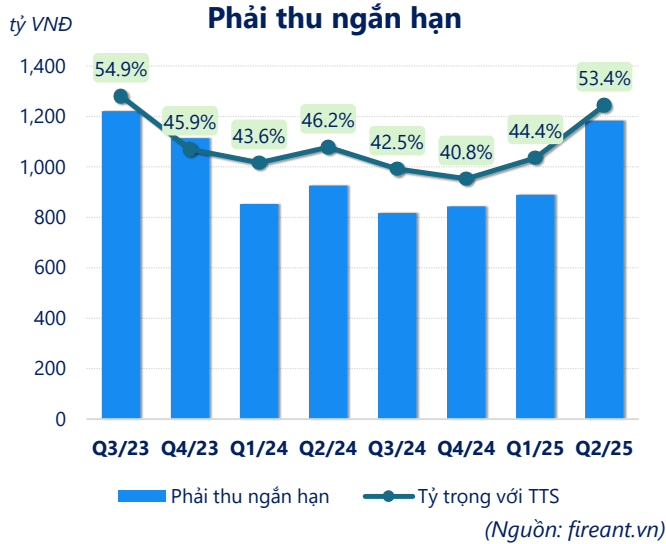
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,004	1,924	2,065	2,002	2,217
Tài sản ngắn hạn	1,833	1,755	1,900	1,838	2,054
Tiền và tương đương tiền	327	327	421	325	198
Đầu tư tài chính ngắn hạn	263	221	203	190	213
Phải thu ngắn hạn	926	818	844	889	1,183
Hàng tồn kho	301	372	416	412	446
Tài sản ngắn hạn khác	16.4	16.9	16.1	21.6	14.4
Tài sản dài hạn	171	169	165	164	164
Phải thu dài hạn	6.99	8.83	8.69	11.7	13.7
Tài sản cố định	65.5	62.5	69.8	67.9	65.4
Bất động sản đầu tư	64.2	62.9	61.7	60.5	59.3
Tài sản dở dang	11.0	11.0	1.18	0.38	0.41
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	23.0	23.5	23.9	23.5	24.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	976	895	1,028	957	1,169
Nợ ngắn hạn	955	875	1,011	941	1,155
Vay và nợ thuê ngắn hạn	436	295	414	365	453
Phải trả người bán ngắn hạn	312	346	370	339	415
Nợ dài hạn	21.5	20.1	16.4	16.2	13.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,028	1,029	1,038	1,045	1,049
Vốn chủ sở hữu	1,028	1,029	1,038	1,045	1,049
Vốn điều lệ	812	812	812	812	812
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)